

Bình Phước, ngày 10 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Nghị quyết số 23/2022/UBTVQH15 ngày 04/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023, Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”, Kế hoạch chi tiết số 59/KH-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 198/KH-ĐDBQH ngày 28/11/2022 thành lập Đoàn giám sát và Kế hoạch số 199/KH-ĐDBQH ngày 28/11/2022 để triển khai giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” trên địa bàn tỉnh Bình Phước¹. Sau khi tiến hành giám sát đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả giám sát như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 88/2014/QH13 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 51/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014 - 2022

1. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tương đối đầy đủ, từng bước thể chế hóa các chủ trương, quan điểm lớn của Đảng và các chính sách pháp luật của Nhà nước trong đổi mới giáo dục. Các nội dung chính của Nghị quyết số 88/2014/QH13 đã được luật

¹ Thành phần Đoàn giám sát gồm: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước, đại diện các cơ quan: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

hóa trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, tạo hành lang pháp lý cho thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

(Phụ lục số 1a kèm theo).

Nhìn chung, hệ thống văn bản được ban hành đã tuân thủ các quy định về thẩm quyền, hình thức, trình tự, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất; cơ bản đáp ứng yêu cầu, kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Tuy nhiên, việc xây dựng chính sách triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 vẫn còn tồn tại, hạn chế, một số văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực giáo dục chậm được ban hành, sửa đổi, đến nay danh mục sách giáo khoa bắt buộc đối với từng lớp học, cấp học vẫn chưa ban hành dẫn đến khó khăn trong công tác lựa chọn sách cho học sinh.

2. Đối với các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các sở ngành, địa phương, đơn vị của tỉnh đã tích cực, chủ động ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện. Trong đó, Tỉnh ủy Bình Phước đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Giai đoạn 2014 - 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành trên 347 văn bản chỉ đạo, điều hành để triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội. Đồng thời các cấp, các ngành thường xuyên chỉ đạo rà soát, bổ sung các văn bản đảm bảo phù hợp với các quy định mới trong các văn bản của cơ quan Trung ương.

(Phụ lục số 1b kèm theo)

Công tác ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội được các cấp, các ngành tỉnh Bình Phước nghiêm túc triển khai thực hiện bảo đảm tính kịp thời, thống nhất, tính khả thi cao áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của tỉnh được ban hành sát thực tiễn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu và phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và lộ trình đổi mới giáo dục.

II. Kết quả giám sát theo thẩm quyền về việc thực hiện Nghị quyết số 88/QH13 và Nghị quyết số 51/QH14 của Quốc hội tại địa phương

1. Đánh giá việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

1.1. Đánh giá về Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Tính phù hợp về mục tiêu đổi mới

- Tính kế thừa và phát triển: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tiếp tục được xây dựng trên quan điểm coi mục tiêu giáo dục phổ thông là giáo dục con người toàn diện, giúp học sinh phát triển hài hòa về đức, trí, thể, mỹ.

- Mục tiêu chung của Chương trình giáo dục phổ thông 2018: cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Về phương châm giáo dục: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

- Về nội dung giáo dục: bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, nhưng được tổ chức lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn.

- Về hệ thống môn học: trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, một số môn học và hoạt động giáo dục mới hoặc mang tên mới là: Tin học và Công nghệ, Ngoại ngữ, Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở (THCS); Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (THPT); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các cấp THCS, THPT. Việc đổi tên môn Kỹ thuật ở cấp tiểu học thành Tin học và Công nghệ là do chương trình mới bổ sung phần Tin học và tổ chức lại nội dung phần Kỹ thuật.

Tuy nhiên, trong chương trình hiện hành, môn Tin học đã được dạy từ lớp 3 như một môn học tự chọn. Ngoại ngữ là môn học mới ở cấp tiểu học nhưng đã được dạy ở các cấp học khác; thậm chí đã được nhiều học sinh làm quen từ cấp học mầm non.

Ở cấp THCS, môn Khoa học tự nhiên được xây dựng trên cơ sở tích hợp kiến thức của ngành vật lí, hóa học, sinh học và khoa học Trái Đất; môn Lịch sử và Địa lí được xây dựng trên cơ sở tích hợp kiến thức của ngành lịch sử, địa lí.

Học sinh đã học môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học, không gặp khó khăn trong việc tiếp tục học các môn này. Chương trình hai môn học này được thiết kế theo các mạch nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên dạy đơn môn hiện nay nên cũng không gây khó khăn cho giáo viên trong thực hiện.

Hoạt động trải nghiệm hoặc Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cả ba cấp học là nội dung quen thuộc, vì được xây dựng trên cơ sở các hoạt động giáo dục tập

thể như chào cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam và các hoạt động tham quan, lao động, hướng nghiệp, thiện nguyện, phục vụ cộng đồng,...trong chương trình hiện hành.

- Về thời lượng dạy học, tuy chương trình mới thực hiện giảm tải so với chương trình hiện hành nhưng những tương quan về thời lượng dạy học giữa các môn học không có sự xáo trộn.

- Về phương pháp giáo dục: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phát huy tính chủ động, tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ một chiều, nặng về truyền thụ kiến thức.

Từ nhiều năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phổ biến và chỉ đạo áp dụng nhiều phương pháp giáo dục mới (như mô hình trường học mới, phương pháp bàn tay nặn bột, giáo dục STEM,...) và đổi mới kiểm tra, đánh giá; do đó, hầu hết giáo viên các cấp học đã được làm quen, nhiều giáo viên đã vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá mới.

* Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có những điểm khác so với Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành ở những điểm sau:

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phân biệt rõ hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12). Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau THCS. Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hóa, bảo đảm học sinh được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả 2 giai đoạn đều có các môn học tự chọn bên cạnh các môn học bắt buộc; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi học sinh.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chú ý hơn đến tính kết nối giữa chương trình của các lớp học, cấp học trong từng môn học và giữa chương trình của các môn học trong từng lớp học, cấp học; giảm một số nội dung trùng lặp, không cần thiết.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có tính mở, phát huy tính chủ động và sáng tạo của địa phương, nhà trường cũng như của tác giả sách giáo khoa và giáo viên.

b) Tính khả thi của Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thuận lợi:

+ Đối với nhà trường: luôn được sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư, hỗ trợ của các ngành, các cấp trong việc thực hiện đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa. Hầu hết các cơ sở giáo dục có sẵn cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy, học nói chung và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói riêng. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, luôn chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có tính cập nhật, kế thừa và tính mở, giúp các trường vừa phát huy kinh nghiệm từ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, vừa phát huy khả năng sáng tạo, linh hoạt, thích ứng của cán bộ quản lý, giáo viên.

+ Đối với giáo viên: đội ngũ giáo viên phổ thông cơ bản đủ về số lượng và cơ cấu theo môn học, hầu hết đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ được đào tạo (khoảng 87,7%) theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nhà giáo, luôn học hỏi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Có thể giữ nguyên đội ngũ giáo viên hiện nay, tổ chức bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hai năm học qua, việc bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa và tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện chương trình cho giáo viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời, giúp giáo viên thuận lợi khi triển khai thực hiện Chương trình.

+ Đối với học sinh: do Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có tính cập nhật; kế thừa từ Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành nên học sinh có nhiều thuận lợi khi tiếp cận Chương trình. Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, tạo điều kiện để học sinh thực hành nhiều, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát huy được tính chủ động, hợp tác, giúp học sinh mạnh dạn, tự tin hơn trong các hoạt động học tập thông qua làm việc nhóm, trình bày ý kiến trước lớp...

- Khó khăn:

+ Đối với nhà trường: một số trường học, cơ sở vật chất còn thiếu, bị xuống cấp, thiếu các phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhiều nhưng thiếu kinh phí; và trong 2 năm học qua do bị tác động nhiều bởi dịch Covid-19 nên ảnh hưởng khá nhiều đến việc dạy, học, cụ thể:

Ở cấp tiểu học: thiếu giáo viên dạy môn Tiếng Anh, Tin học khi chuyển từ môn tự chọn sang môn học bắt buộc.

Ở cấp THCS: có môn học còn khó khăn khi bố trí giáo viên giảng dạy do giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng để 01 giáo viên có thể dạy được môn tích hợp (môn Khoa học tự nhiên).

Ở cấp THPT: thiếu giáo viên dạy môn Mĩ thuật, Âm nhạc do đây là các môn học mới của cấp học này. Một số môn học mới khác (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương), các trường chưa có kinh nghiệm phân công giáo viên giảng dạy sao cho phù hợp, hiệu quả.

+ Đối với giáo viên: một số giáo viên phải thực hiện cùng lúc 2 chương trình (Chương trình giáo dục phổ thông 2006, Chương trình giáo dục phổ thông 2018) nên khó khăn trong việc tập trung, đầu tư chuyên môn vào chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Đối với học sinh: hiện nay, còn một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình ít quan tâm đến việc học tập của các em, bản thân các em lại chưa tự giác học tập nên chất lượng học theo Chương trình mới chưa đạt.

- Mức độ phù hợp với điều kiện của địa phương, điều kiện cụ thể của các cơ sở giáo dục trên địa bàn: qua phân tích những thuận lợi và khó khăn nêu trên cho thấy: nhìn chung, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có tính khả thi, phù hợp với điều kiện của địa phương, điều kiện cụ thể của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Các khó khăn nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có thể từng bước khắc phục, giải quyết.

- Tính phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh: nhìn chung, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với khả năng tiếp thu của hầu hết các đối tượng học sinh.

1.2. Về triển khai chương trình

a) Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục

Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy (giáo án) của giáo viên; đảm bảo thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 18/12/2020.

b) Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trên cơ sở các Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh², UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương, đơn vị đã chủ động triển khai, xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với tình hình thực tiễn đơn vị mình.

Theo đó, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh thực hiện theo hướng tiếp cận năng lực, tập trung vào việc tăng cường đánh giá kết quả học tập cuối môn học; áp dụng hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ sau từng chủ đề, nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học (*đánh giá quá trình*); chuyển từ chủ yếu đánh giá kiến thức, kỹ năng sang đánh giá năng lực của người

² Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

học; chú trọng đến khả năng vận dụng, giải quyết những vấn đề thực tiễn, đặc biệt tư duy bậc cao (*tư duy sáng tạo*); thực hiện tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học; đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá và sử dụng các mô hình thống kê vào xử lý phân tích, lý giải kết quả đánh giá.

- *Việc đổi mới phương pháp dạy học*

Hầu hết giáo viên đã xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu về phương pháp, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh. Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả các phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, đồ dùng dạy học tự làm giúp học sinh dễ nhớ, dễ hiểu và có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong bài học và trong cuộc sống.

- *Việc đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục*

Việc quản lý, quản trị đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, các nguồn học liệu, phân công giáo viên, sắp xếp thời khóa biểu, nhất là khi triển khai các môn học mới được các cơ sở giáo dục vận dụng linh hoạt, sáng tạo, thay đổi theo hướng đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đề ra.

Ngành giáo dục của tỉnh đã triển khai đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục theo hướng: Chú trọng công tác tập huấn, đào tạo nhằm chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, đảm bảo cả về chất và lượng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống; chỉ đạo, tổ chức, điều hành các hoạt động giáo dục theo tinh thần tăng tính chủ động, sáng tạo của giáo viên trong giảng dạy; chú trọng việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ dạy và học chất lượng, hiệu quả...

2. Đánh giá sách giáo khoa giáo dục phổ thông và việc xây dựng tài liệu giáo dục của địa phương

2.1. Đánh giá về sách giáo khoa

- *Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông*: nhìn chung, sách giáo khoa các môn học biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được khai thác, sử dụng có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn giảng dạy, nhằm phát huy phẩm chất và năng lực học sinh; đảm bảo về nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; sách được thiết kế, trình bày đẹp, nhiều hình ảnh sinh động thu hút, lôi cuốn học sinh.

- *Sự phù hợp của giá sách giáo khoa đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân*: giá sách giáo khoa còn tương đối cao so với mức thu nhập của cha mẹ học sinh, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Bình Phước (*nhất là sách giáo khoa Tiếng Anh*).

2.2. Việc lựa chọn sách giáo khoa

a) Việc lựa chọn sách giáo khoa tại địa phương

- Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, Luật Giáo dục năm 2019 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông; phối hợp với các nhà xuất bản hướng dẫn cơ sở giáo dục phổ thông nghiên cứu nội dung sách giáo khoa (bản giấy, bản điện tử) và tổ chức giới thiệu sách giáo khoa bằng hình thức trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của các nhà xuất bản cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên của các cơ sở giáo dục; nghiên cứu qua sách in bản mẫu do các nhà xuất bản giới thiệu; thành lập các Hội đồng để lựa chọn sách giáo khoa theo quy định.

(Kết quả lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 6, 7, 10 tại các cơ sở GDPT tại Phụ lục 5 đính kèm).

Nhìn chung, việc lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, tập trung, khách quan và đúng quy định của pháp luật. Sách giáo khoa được lựa chọn đều thuộc danh mục sách giáo khoa đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, phù hợp với đề xuất của các cơ sở giáo dục.

- *Thuận lợi:* các cơ sở giáo dục cơ bản có đủ giáo viên các môn học, hầu hết đều đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, luôn có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; các đơn vị, Nhà xuất bản luôn tích cực phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác lựa chọn sách giáo khoa theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Khó khăn:*

+ Đối với các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tỉnh, khó khăn khi tham mưu thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT quy định: “2. *Mỗi môn học của một cấp học thành lập 01 (một) Hội đồng, số lượng thành viên Hội đồng là số lẻ, tối thiểu là 15 (mười lăm) người, trong đó có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên là tổ trưởng tổ chuyên môn và giáo viên đang trực tiếp giảng dạy môn học của cấp học đó.*”

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục mới, chưa có giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành ở các cấp học, hầu hết giáo viên dạy môn học này hiện nay là giáo viên kiêm nhiệm. Do vậy, số lượng, thành phần Tổ trưởng và giáo viên trực tiếp dạy môn học này, nhất là ở các lớp đầu cấp, không thể đảm bảo theo quy định khi tham mưu thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa; việc thành lập Hội đồng chủ yếu gồm lãnh đạo các trường và các giáo viên có kinh nghiệm đã

thực hiện các hoạt động Ngoài giờ lên lớp, Hướng nghiệp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006.

+ Đối với đề xuất lựa chọn sách giáo khoa lớp 10 ở các cơ sở giáo dục cấp THPT; một số trường không thể tổ chức lựa chọn sách giáo khoa đối với môn Âm nhạc, Mĩ thuật; cụ thể:

Tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT quy định: “a) *Tổ chuyên môn của cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức cho giáo viên nghiên cứu, thảo luận và đánh giá các sách giáo khoa của môn học thuộc chuyên môn phụ trách theo tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa; báo phiếu kín lựa chọn ít nhất 01 (một) sách giáo khoa cho mỗi môn học; báo cáo người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn. Danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn có chữ ký của tổ trưởng tổ chuyên môn và các giáo viên tham gia lựa chọn;*”

Tại Công văn số 686/BGDĐT-GDTH ngày 03/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa chuẩn bị triển khai năm học 2022 - 2023 hướng dẫn: “2. *Đối với môn Âm nhạc và Mĩ thuật cấp Trung học phổ thông (là các môn học mới, lần đầu tiên triển khai trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp bố trí giáo viên giảng dạy cho các trường trung học phổ thông, trước mắt trong năm học 2022-2023 có thể ưu tiên điều động giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật ở cấp trung học cơ sở có trình độ đại học trở lên để bố trí dạy học môn Âm nhạc, Mĩ thuật cấp trung học phổ thông; đồng thời lựa chọn một số giáo viên trong số giáo viên đó để tham gia Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa theo quy định*”.

Hiện tại, các trường THPT trong tỉnh (trừ 08 trường THCS&THPT và Trường THPT chuyên Quang Trung) đều không có giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mĩ thuật. Năm học 2022-2023, chưa thể điều động giáo viên Mĩ thuật, Âm nhạc cấp THCS có trình độ đại học để dạy cấp THPT (vì giáo viên 02 môn học này chỉ đáp ứng cho cấp THCS).

Để có cơ sở giúp cho các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa tham mưu UBND tỉnh lựa chọn bộ sách giáo khoa Âm nhạc, Mĩ thuật theo các tiêu chí, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản gửi các trường THPT liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn lựa chọn giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật cấp THCS có trình độ đại học trở lên tham gia nhận xét, đánh giá, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa. Tuy nhiên, vì lý do khách quan, một số giáo viên không có thời gian nghiên cứu, đánh giá bộ sách hoặc chưa dạy cấp THPT nên từ chối. Một số trường xác định không lựa chọn môn Âm nhạc, Mĩ thuật để dạy cho học sinh trong năm học 2022-2023 nên không tổ chức đề xuất lựa chọn sách giáo khoa 02 môn học này. Toàn tỉnh có 28/36 trường THPT có tổ chức nghiên cứu và báo cáo danh mục đề xuất lựa chọn sách giáo khoa đối với môn Âm nhạc và có 32/36 trường đối với môn Mĩ thuật.

b) Việc thực hiện xã hội hóa sách giáo khoa: các nhà xuất bản có sách giáo khoa được chọn đã thực hiện tốt việc tặng sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh

khó khăn. Một số cơ sở giáo dục đã thực hiện việc kêu gọi các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân hỗ trợ sách giáo khoa cho đối tượng học sinh nghèo, mồ côi; phát động phong trào học sinh quyên góp, ủng hộ sách giáo khoa về thư viện nhà trường (sau khi đã học xong); xây dựng tủ sách dùng chung đảm bảo tất cả học sinh đều có sách giáo khoa để học tập.

2.3. Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...).

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các nhà xuất bản rà soát về nhu cầu theo danh mục sách giáo khoa được UBND tỉnh phê duyệt; các đơn vị cung ứng sách thực hiện việc phát hành sách trên địa bàn, đảm bảo cung ứng đủ số lượng, đúng tiến độ phục vụ nhu cầu dạy học cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2.4. Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục của địa phương

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, 2, 6, 3, 7, 10 đúng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 và Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019; tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tài liệu và cung cấp bản điện tử cho các cơ sở giáo dục sử dụng từ năm học 2020 - 2021 đối với Tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, từ năm học 2021 - 2022 đối với Tài liệu lớp 2, lớp 6 và từ năm học 2022 - 2023 đối với Tài liệu lớp 7, 10; tổ chức tập huấn và ban hành Công văn hướng dẫn triển khai tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá đối với tài liệu giáo dục địa phương.

Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đang chờ Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 3 để cung cấp cho các cơ sở giáo dục tiểu học; đồng thời thực hiện các công việc để chuẩn bị in ấn các tài liệu cung ứng cho các cơ sở giáo dục năm học 2022 - 2023.

Nhìn chung, việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương đã được UBND tỉnh, các cấp, các ngành và đơn vị có liên quan tích cực, chủ động triển khai thực hiện, tuy nhiên còn chậm so với kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ tác giả còn thiếu kinh nghiệm xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu giáo dục địa phương theo yêu cầu phát huy phẩm chất, năng lực người học; tài liệu giáo dục địa phương như một tài liệu giáo khoa, đòi hỏi yêu cầu chặt chẽ về quy trình, nội dung thông tin phải đảm bảo chính xác, khoa học, nên quá trình biên soạn, thẩm định, phê duyệt kéo dài; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp gây khó khăn trong việc sưu tầm ngữ liệu, tổ chức biên soạn và thẩm định; việc in, phát hành tài liệu được quy định bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

3.1. Về đội ngũ nhà giáo

a) *Số lượng, cơ cấu:* Năm học 2021 - 2022, các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh có 12.512 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó: Cán bộ quản lý 695 người, giáo viên đứng lớp 10.377 người và nhân viên 1.440 người (*không tính hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ*). Trong đó:

- Tiểu học: 5.684 cán bộ, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý 343, giáo viên 4.863, nhân viên 478).

- THCS: 4.505 cán bộ, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý 230, giáo viên 3.582, nhân viên 693).

- THPT: 2.323 cán bộ, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý 122, giáo viên 1.932, nhân viên 269).

Để đảm bảo đội ngũ nhà giáo phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018, năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước còn thiếu 849 biên chế³. Tuy nhiên, do khó khăn về biên chế nên địa phương đã thực hiện ghép lớp; điều tiết giáo viên dư cục bộ; giảm chức danh hành chính, ưu tiên biên chế bổ sung đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy, học nên thực tế năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh còn thiếu 490 giáo viên (Tiểu học 317, THCS 70, THPT 103).

Dự báo năm 2023, số lượng người làm việc dự kiến tăng 1.489 người so với năm 2022⁴. Tuy nhiên, theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị (tiếp tục cắt giảm 10% tương đương 1.959 biên chế) thì biên chế viên chức cần bổ sung (*tăng thêm*) đến năm 2026 của tỉnh Bình Phước là 3.448 biên chế⁵.

b) Về chất lượng

- Về chuẩn trình độ của giáo viên:

Hiện nay, 100% giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn theo Luật giáo dục năm 2009; theo Luật Giáo dục năm 2019 thì các trường còn 1.365/11.072 nhà giáo (Tiểu học 824 và THCS 541) cần nâng chuẩn theo quy định, tỷ lệ 12,3%.

Thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020 - 2025); UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 06/11/2020 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2021;

³ Công văn số 504/UBND-KGVX ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh về việc một số khó khăn vướng mắc và kiến nghị trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh Bình Phước.

⁴ Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

⁵ Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 24/4/2022 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022. Theo đó, các sở, ngành liên quan của tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ mở các lớp nâng chuẩn theo kế hoạch năm 2022 như sau: 02 lớp Trung cấp lên Đại học Tiểu học cho 67 giáo viên; 03 lớp Cao đẳng lên Đại học Tiểu học cho 111 giáo viên và mở các lớp đào tạo trình độ đại học cho 252 giáo viên bộ môn của các cấp học (Tiểu học, THCS)..

- Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo dục tỉnh Bình Phước đặc biệt quan tâm, triển khai thực hiện: theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo đề xuất nhu cầu đào tạo giáo viên; xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động: từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2021 - 2022, các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tuyển dụng được 195 giáo viên và cuối năm học 2021 - 2022 còn khoảng 212 giáo viên đang thực hiện hợp đồng theo Nghị quyết số 102/NQ-CP đề chờ tuyển dụng theo quy định.

- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học theo đúng quy định; việc phân công giáo viên dạy học các phân môn/chủ đề của chương trình môn học phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên.

+ Về giải pháp bố trí giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học năm học 2022 - 2023 và giáo viên giảng dạy Chương trình giáo dục phổ thông 2018: UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương chủ động trong công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học năm học 2022 - 2023 và giáo viên giảng dạy Chương trình giáo dục phổ thông 2018⁶; đồng thời chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và quản lý, sử dụng biên chế năm học 2022 - 2023. Theo đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị tổ chức thực hiện⁷.

+ Ở cấp TH, THCS: UBND tỉnh đã giao UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện công tác rà soát, điều chuyển biên chế thừa, thiếu cục bộ giữa các

⁶ Công văn số 3711/UBND-NC ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện giải pháp biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; Công văn số 1065/UBND-KGVX ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; Công văn số 710/UBND-KGVX ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học năm học 2022-2023 và giáo viên giảng dạy Chương trình GDPT 2018.

⁷ Công văn số 1060/SGDDĐT-THMN ngày 27/4/2022 của Sở GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 2086/SGDDĐT-VP ngày 29/7/2022 của Sở GDĐT về việc thực hiện chế độ thính giảng đối với giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học

đơn vị trên địa bàn. Tổng hợp, báo cáo nhu cầu sử dụng biên chế gửi về Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu điều tiết biên chế giữa các địa phương, đơn vị.

Kết quả: Hiện nay, 100% cơ sở giáo dục có cấp Tiểu học dạy môn Tiếng Anh, Tin học ở lớp 3. Cơ bản các trường đã bố trí đầy đủ giáo viên dạy lớp 1, 2, 3, 6, 7, 10 Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với tình hình thực tế tại trường.

+ Về việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới khác theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Sở Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện dạy các môn tích hợp cấp THCS (môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí) và các môn học mới (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương) đúng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁸. Nội dung giáo dục của địa phương ở cấp Tiểu học được dạy lồng ghép, tích hợp trong các môn học và Hoạt động trải nghiệm; ở cấp THCS và THPT được tổ chức dạy theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học liên quan, tạo điều kiện cho học sinh liên hệ, vận dụng. Ở cấp THCS: Môn Khoa học tự nhiên được tổ chức dạy tuyến tính phù hợp với logic sắp xếp các chủ đề của chương trình môn học và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường; môn Lịch sử và Địa lí được bố trí giáo viên dạy đồng thời các phân môn trong từng học kì. Hoạt động trải nghiệm ở cấp Tiểu học và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS, THPT được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên, Hiệu trưởng các trường đã phân công giáo viên dạy nội dung của chương trình các môn học, hoạt động giáo dục này phù hợp với năng lực chuyên môn. Tuy nhiên, việc bố trí dạy học trực tuyến, xếp thời khoa biểu đối với môn Khoa học tự nhiên vẫn còn gặp một số khó khăn (do một số cơ sở giáo dục còn thiếu giáo viên các phân môn của môn học này).

3.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Về cơ sở vật chất

Theo thống kê năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh có 265 trường phổ thông với tổng số 207.527 học sinh, cụ thể:

- Cấp tiểu học: Có 122 trường (công lập) với 106.761 học sinh, 3.532 lớp, 3.428 phòng học (2.237 phòng kiên cố, 1.176 phòng bán kiên cố, 15 phòng học nhờ, mượn), tỷ lệ phòng học/lớp học là 0,97 (mục tiêu: 01 lớp/01 phòng học để học 2 buổi/ngày); 559 phòng phục vụ học tập; 149 phòng chức năng.

- Cấp Trung học cơ sở: Có 107 trường (công lập) với 68.450 học sinh, 1.891 lớp, 1.702 phòng học (1.518 phòng kiên cố, 168 phòng bán kiên cố, 16 phòng học

⁸ Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học, Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp Tiểu học, Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022 và Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

nhờ, mượn), tỷ lệ phòng học/lớp học là 0,8 (bảo đảm tối thiểu 0,6 phòng học/lớp theo quy định⁹); 389 phòng học bộ môn, 205 phòng phục vụ học tập; 183 phòng chức năng.

- Cấp Trung học phổ thông: có 36 trường (công lập) với 32.316 học sinh, 882 lớp, 911 phòng học (886 phòng kiên cố, 11 phòng bán kiên cố, 14 phòng học nhờ, mượn), tỷ lệ phòng học/lớp học là 1.0 (bảo đảm tối thiểu 0,6 phòng học/lớp theo quy định¹⁰); 212 phòng học bộ môn; 70 phòng phục vụ học tập; 92 phòng chức năng.

b) Khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học

- Thiết bị dạy và học ngoại ngữ thực hiện theo Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung triển khai nhiệm vụ Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân” trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019 - 2025”. Hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện mua sắm. Ngoài ra, các huyện, thị xã, thành phố cũng thực hiện mua sắm bổ sung thiết bị dạy học từ nguồn vốn đã được phân cấp.

- Thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông:

Công tác mua sắm thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành, hiện nay đã thực hiện mua sắm thiết bị để phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho lớp 1 đạt tỷ lệ 100%, công tác mua sắm thiết bị cho các lớp còn lại thực hiện theo lộ trình. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện mua sắm thiết bị bằng vốn đầu tư công còn gặp khó khăn, cụ thể:

+ Chưa có hướng dẫn cơ cấu chi phí và quy trình thực hiện đầu tư thiết bị giáo dục theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật đầu tư công; đối với các thiết bị giáo dục không có cấu phần xây dựng, cụ thể: Quy trình thực hiện, phương pháp tính chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác.

+ Chưa có đơn giá thiết bị dạy học tối thiểu theo các Thông tư ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học¹¹ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Trên thị trường chưa có thiết bị tương tự để làm cơ sở tham khảo giá trong quá trình triển khai thực hiện mua sắm.

(Kèm theo Phụ lục 3 về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học giáo dục phổ thông từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2021 - 2022).

4. Về kinh phí thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

⁹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

¹⁰ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

¹¹ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS; Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.

- Kinh phí đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 (*kinh phí cho xây dựng, thẩm định tài liệu địa phương; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, ...*):

+ Kinh phí cho xây dựng, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục: được đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Năm 2020 - 2022, kinh phí biên soạn tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, 2, 6, 3, 7, 10 khoảng 5,0 tỷ đồng; năm 2017 - 2022, kinh phí đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông: khoảng 49,2 tỷ đồng (*chủ yếu thực hiện năm 2020 - 2022; năm 2017 - 2019 là bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên Tiếng Anh*).

+ Kinh phí thực hiện đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2015 - 2022 trên địa bàn tỉnh khoảng 3.667,7 tỷ đồng.

(Có Phụ lục 6 kèm theo).

- Đánh giá việc thực hiện quy định về ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn:

Các chế độ chính sách được cấp đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Việc thực hiện quy định về ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn giúp nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường; giảm khoảng cách vùng, miền trong cả nước, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện các Đề án được phân công trên phạm vi địa bàn liên quan đến đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông:

Việc sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện các Đề án được phân công trên phạm vi địa bàn tỉnh liên quan đến đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ triển khai chương trình, sách giáo khoa mới (xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng, mua sắm bổ sung bàn ghế học sinh, thiết bị dạy học...).

- Việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (*số liệu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên đối với giáo dục phổ thông, đánh giá dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên đối với giáo dục phổ*

thông; kinh phí đổi mới chương trình): Giai đoạn 2015 - 2022, ngành Giáo dục được bố trí khoảng 16.718,4 tỷ đồng, trong đó: chi thường xuyên: 13.050,7 tỷ đồng; chi đầu tư: 3.667,7 tỷ đồng. Việc dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách được thực hiện theo đúng quy định hiện hành (*Có Phụ lục 6 kèm theo*).

- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa khác huy động đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương: Các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thực hiện theo đúng quy định (huy động các mạnh thường quân hỗ trợ sách giáo khoa...).

III. Đánh giá chung

1. Đánh giá những ưu điểm và hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

1.1. Đánh giá chung

Việc thực hiện *Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông* đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các địa phương trong tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện và tập trung đầu tư các nguồn lực để phát triển giáo dục và đào tạo, ưu tiên nguồn kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới. UBND tỉnh Bình Phước đã kịp thời ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; chỉ đạo các ngành xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kịp thời; thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nhìn chung, việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cơ bản đã đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông theo quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội. Việc thực hiện đổi mới trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo tinh thần chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn đã được thực hiện có hiệu quả; việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá đã được thực hiện ngày càng thực chất, hiệu quả. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã có những chuyển biến tích cực.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn thiếu khá nhiều, nhất là các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mặt khác còn bị hư hỏng, xuống cấp¹².

¹² Năm học 2021-2022, nhiều trường không đủ phòng học cho việc tổ chức dạy học 2 buổi; một số trường có phòng học nhỏ, số lượng bàn ghế đủ cho nhu cầu học tập các bộ môn văn hóa nhưng chưa đủ và chưa phù hợp với hình thức dạy học theo nhóm, dạy học các tiết thực hành. Một số địa phương chưa trang bị đủ thiết bị dạy học cho các điểm trường (các thiết bị dạy học, máy chiếu, tivi, mạng internet...) nên việc triển khai các hình thức, phương pháp dạy học ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu điện tử chưa đồng bộ. Các phòng chức năng của một số trường còn thiếu hoặc chưa đảm bảo diện tích, thiếu dụng cụ, thiết bị; chưa có nhà đa năng nên việc tập luyện, vui chơi của học sinh còn gặp khó khăn, đặc biệt là vào mùa mưa. Công tác mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ việc triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7, lớp 10 đến thời điểm này vẫn chưa thể thực hiện nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng dạy, học

- Đội ngũ giáo viên của các trường phổ thông chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để phục vụ cho việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018¹³.

- Môn Khoa học tự nhiên cấp THCS chưa có giáo viên đủ trình độ chuyên môn để dạy cả ba phân môn nên nhiều đơn vị còn gặp khó khăn, lúng túng khi phân công giáo viên, xếp thời khóa biểu, thực hiện chương trình.

- Việc tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đại trà các mô đun về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn chậm và do dịch Covid-19 phải bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả bồi dưỡng.

- Việc lựa chọn sách giáo khoa: còn một số khó khăn liên quan đến tham mưu thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tỉnh Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và khó khăn liên quan đến công tác đề xuất lựa chọn sách giáo khoa môn Âm nhạc, Mĩ thuật cấp THPT.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được hướng dẫn giảng dạy theo hướng mở, giao quyền chủ động cho nhà trường trong việc thực hiện chương trình. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ động, linh hoạt cũng là một trong số những khó khăn do giáo viên quen với việc thực hiện theo khuôn mẫu. Ban Giám hiệu một số trường chưa có kinh nghiệm, còn lúng túng khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về kết quả đánh giá, xếp loại học sinh cuối năm học 2021 - 2022: Số học sinh lớp 1, lớp 2 chưa hoàn thành chương trình môn học, phải ở lại lớp chiếm 4,8% (1.984 em); số học sinh lớp 6 có kết quả học tập xếp loại chưa đạt vẫn còn chiếm 0,8% (1.257 em), có kết quả rèn luyện xếp loại chưa đạt còn chiếm 0,4% (58 em).

1.3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chậm so với tiến độ quy định tại Nghị quyết 88/2014/QH13 và được Quốc hội điều chỉnh tại Nghị quyết 51/2017/QH14. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục nên phải tiếp tục ban hành bổ sung trong các năm sau, gây khó khăn cho việc chuẩn bị sách giáo khoa và triển khai thực hiện mua sắm thiết bị dạy học.

- Số lượng đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục còn thiếu, đặc biệt là cấp tiểu học và trung học cơ sở. Mặc dù UBND tỉnh đã đề nghị Bộ GD&ĐT có ý kiến đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung biên chế nhưng hiện nay chưa được phân bổ bổ sung. Việc giảm biên chế/năm như hiện nay còn mang tính cào bằng, cơ học, chưa phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương.

¹³ Cụ thể năm học 2021-2022, trên địa bàn tỉnh có tỷ lệ giáo viên/lớp như sau: Tiểu học 1,33 giáo viên/lớp, THCS 1,84 giáo viên/lớp, THPT 2,15 giáo viên/lớp (theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, tỷ lệ bậc Tiểu học là 1,5 giáo viên/lớp, THCS 1,9 giáo viên/lớp, THPT 2,25 giáo viên/lớp, PTDTNT THCS 2,2 giáo viên/lớp, PTDTNT THPT 2,4 giáo viên/lớp, trường chuyên 3,1 giáo viên/lớp)

- Nhiều giáo viên chưa được đào tạo chứng chỉ dạy học tích hợp nên việc giảng dạy các môn học này phải tổ chức nhiều phương thức khác nhau, như: cấp THCS còn gặp khó khăn đối với môn Khoa học tự nhiên là do giáo viên chỉ được đào tạo một hoặc hai phân môn theo chuyên ngành đào tạo trước đây nên chưa có giáo viên có đủ trình độ để dạy được cả 3 phân môn của môn học này.

- Do dịch bệnh Covid-19 phải bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến nên một số giáo viên chưa hiểu kĩ các nội dung bồi dưỡng, dẫn đến còn lúng túng trong quá trình giảng dạy; chưa thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá để phát huy phẩm chất, năng lực học sinh.

- Năm học 2021 - 2022 do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên 2/3 thời gian các em phải học trực tuyến, công tác giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Một số học sinh học còn chậm, chưa có thói quen, ý thức tự học và thiếu sự đôn đốc từ cha mẹ.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân đối với những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội

- Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có cơ chế, chính sách để đảm bảo các nguồn lực thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình; kịp thời có giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của trung ương cần triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất trên địa bàn tỉnh; cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí phục vụ đổi mới giáo dục; kịp thời phản ánh những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở địa phương để có giải pháp tháo gỡ, triển khai thực hiện hiệu quả.

3. Những bài học kinh nghiệm rút ra trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

- Cần quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Các cấp ủy Đảng, chính quyền nâng cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm điều kiện thực hiện thành công việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, về đội ngũ cán bộ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội về sự cần thiết phải đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và lộ trình thực hiện, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học. Xây dựng tốt kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên.

- Cần tập trung chỉ đạo thống nhất từ các cấp quản lý đến tổ chuyên môn và giáo viên, trao đổi thảo luận những khó khăn vướng mắc để cùng tìm giải pháp thực hiện; xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp, sát với thực tiễn; chú trọng rèn cho học sinh các kỹ năng tự học, tự đọc sách giáo khoa, tự giác học tập và chuẩn bị bài để tiếp cận bài học hiệu quả.

- Để đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá mang lại hiệu quả cần có một môi trường làm việc tốt về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, nhất là hạ tầng internet cho cán bộ, giáo viên tự học, tự nghiên cứu. Có cơ chế chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho giáo viên để tạo động lực sáng tạo, tâm huyết và gắn bó với nghề.

- Huy động tối đa các nguồn lực của xã hội cho giáo dục và đào tạo để bổ sung cho ngân sách nhà nước, góp phần làm tăng tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước tại các cơ sở giáo dục.

PHẦN II GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

I. Giải pháp

Các nhóm giải pháp để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Quốc hội về việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong những năm tới cụ thể như sau:

1. Nhóm giải pháp về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật

Tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới trường/lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từ đó xác định nhu cầu giáo viên từng môn học, cấp học. Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động giáo viên nhằm đảm bảo cơ cấu giáo viên hợp lý đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng; có chính sách tăng lương cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nhằm động viên, khuyến khích nhà giáo yên tâm công tác.

2. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiếp tục nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường.

Có cơ chế kiểm tra, giám sát để kiểm soát việc xây dựng, biên soạn, in ấn sách giáo khoa của các đơn vị, đảm bảo đúng định hướng, mục tiêu của việc đổi mới; có hướng dẫn cụ thể trong việc in ấn và phát hành tài liệu giáo dục địa phương.

1.3. Nhóm giải pháp về đầu tư nguồn lực cho công tác bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông (con người, tài chính, cơ sở vật chất,...)

a) Về con người

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát thực trạng nhu cầu biên chế phục vụ cho công tác giảng dạy Chương trình GDPT 2018; rà soát, điều chuyển biên chế thừa, thiếu cục bộ giữa các địa phương, đơn vị trên địa bàn; báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất bổ sung biên chế để các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; Kế hoạch nâng chuẩn cho đội ngũ nhà giáo theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy Chương trình GDPT 2018.

- Tăng cường xúc tiến, tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục ở các địa phương, góp phần giảm gánh nặng về biên chế giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập. Đồng thời, tạo cơ chế đủ mạnh để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho giáo dục; huy động các nguồn lực từ trung ương đến địa phương, ưu tiên đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục.

b) Về tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tập trung nguồn lực, lồng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, đề án về đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho Chương trình GDPT 2018; ưu tiên, quan tâm đầu tư nhiều hơn cho các vùng khó khăn, vùng biên giới, dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục bố trí đầy đủ kinh phí cho việc thực hiện các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2018 (kinh phí biên soạn tài liệu giáo dục địa phương; lựa chọn SGK; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên...).

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa tại các cơ sở giáo dục để có thêm nguồn lực thực hiện việc nâng cấp, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học.

II. Kiến nghị

1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đề nghị tiếp tục nghiên cứu từng bước hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm thực hiện thành công mục tiêu đổi mới nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất và hiệu quả giáo dục phổ thông. Đặc biệt cần ưu tiên phân bổ nguồn ngân sách và giám sát việc thực hiện ngân sách cho giáo dục.

2. Đối với Chính phủ

- Đề nghị không thực hiện tinh giản biên chế theo hình thức cào bằng, cơ học hằng năm đối với tất cả các địa phương.

- Xem xét bổ sung cho tỉnh Bình Phước 1.489 biên chế (theo Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bình Phước năm 2023).

- Điều chỉnh Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng các trường TH&THCS, THCS&THPT; trường Phổ thông Dân tộc Nội trú, trường THPT chuyên được bố trí không quá 03 Phó hiệu trưởng.

- Có chế độ ưu tiên đối với học sinh vùng đặc biệt khó khăn trong việc sử dụng sách giáo khoa mới với giá thành rẻ hoặc cấp miễn phí.

- Chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan nghiên cứu, tham mưu, có lộ trình đảm bảo các điều kiện triển khai thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông về đội ngũ nhà giáo, quy mô mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học...

3. Đối với bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu tham mưu Chính phủ có cơ chế bổ sung chỉ tiêu biên chế và hợp đồng giáo viên để địa phương có căn cứ bố trí ngân sách thực hiện, nhằm đảm bảo đủ định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn việc giải quyết những khó khăn liên quan đến tham mưu thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tỉnh Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và khó khăn liên quan đến công tác đề xuất lựa chọn sách giáo khoa môn Âm nhạc, Mĩ thuật tại các cơ sở giáo dục cấp THPT.

+ Ban hành Thông tư hướng dẫn cơ cấu chi phí và quy trình thực hiện đầu tư thiết bị giáo dục theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật đầu tư công; đối với các thiết bị giáo dục không có cấu phần xây dựng, cụ thể: quy trình thực hiện, phương pháp tính chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác; ban hành đơn giá thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT; ưu tiên hỗ trợ thiết bị dạy học cho tỉnh Bình Phước từ các Chương trình, dự án do Bộ quản lý.

+ Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quan tâm, hỗ trợ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật

chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Đẩy nhanh việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, đáp ứng tiên độ triển khai chương trình sách giáo khoa mới; nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì biên soạn một bộ sách giáo khoa để chủ động triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, được thẩm định, phê duyệt công bằng với các sách giáo khoa do tổ chức, cá nhân biên soạn, đảm bảo tính cạnh tranh kể cả về chất lượng, nội dung, giá cả và các học liệu kèm theo.

+ Quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục; hướng dẫn về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

4. Đối với UBND tỉnh Bình Phước

- Chỉ đạo các ngành, địa phương tăng cường công tác kiểm tra trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản của tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Tập trung ưu tiên bố trí đủ nguồn lực và các điều kiện bảo đảm để triển khai thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13.

Trên đây là Báo cáo "Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông" trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH (báo cáo);
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, BTT.UBMTTQ tỉnh;
- Vụ Văn hóa, Giáo dục - VPQH;
- Vụ Hoạt động giám sát - VPQH;
- Các sở, ngành, địa phương, đơn vị chịu sự g/s;
- LĐVP; Phòng CTQH;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ TRÁCH



Điền Huỳnh Sang